

Số: /2026/NQ-HĐND

Lào Cai, ngày tháng năm 2026

(DỰ THẢO)

**NGHỊ QUYẾT**

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định chính sách thu hút, đãi ngộ, hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực trên địa bàn tỉnh Lào Cai giai đoạn 2026 – 2030 ban hành kèm theo Nghị quyết số 29/2025/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Cán bộ, công chức số 80/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Viên chức số 129/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14;*

*Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15;*

*Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;*

*Nghị định số 116/2020/NĐ-CP của Chính phủ Quy định về chính sách hỗ trợ tiền đóng học phí, chi phí sinh hoạt đối với sinh viên sư phạm được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 60/2025/NĐ-CP;*

*Nghị định số 71/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ Quy định lộ trình thực hiện nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 311/2025/NĐ-CP;*

*Căn cứ Thông tư số 100/2025/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức;*

*Căn cứ Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành chương trình giáo dục phổ thông được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 13/2022/TT-BGDĐT và Thông tư số 17/2025/TT-BGDĐT;*

*Căn cứ Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy chế đào tạo trình độ đại học;*

*Căn cứ Thông tư số 09/2022/TT-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học;*

*Theo đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai tại Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2026 đề nghị ban hành Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định chính sách thu hút, đãi ngộ, hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực trên địa bàn tỉnh Lào Cai giai đoạn 2026 – 2030 ban hành kèm theo Nghị quyết số 29/2025/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai; Báo cáo thẩm tra số /BC-HĐND ngày tháng năm 2026 của Ban Văn hóa- Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

*Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai ban hành Nghị quyết Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định chính sách thu hút, đãi ngộ, hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực trên địa bàn tỉnh Lào Cai giai đoạn 2026 – 2030 ban hành kèm theo Nghị quyết số 29/2025/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai.*

**Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định chính sách thu hút, đãi ngộ, hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực trên địa bàn tỉnh Lào Cai giai đoạn 2026 – 2030 ban hành kèm theo Nghị quyết số 29/2025/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai**

**1. Sửa đổi điểm b, khoản 1, Điều 3 như sau:**

“b) Đối tượng quy định tại Điều 2, Nghị định số 179/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 quy định về chính sách thu hút, trọng dụng người có tài năng làm việc trong cơ quan, tổ chức, đơn vị của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội;”

**2. Bổ sung khoản 9, khoản 10, khoản 11, khoản 12, Điều 8 như sau:**

“9. Giáo viên tham gia đào tạo đại học sư phạm tiếng Anh, tiếng Trung Quốc, Tin học (văn bằng 2 hệ tập trung) theo hình thức đặt hàng đào tạo.

10. Công chức, viên chức có trình độ chuyên môn đại học khác làm nhiệm vụ về công nghệ thông tin, khoa học công nghệ, chuyên đổi số, quản trị dữ liệu, điều hành số tham gia đào tạo chính quy văn bằng 2 về các nhóm ngành công nghệ thông tin, khoa học máy tính, chuyển đổi số, bảo mật và hạ tầng.

11. Cán bộ trẻ, công chức, viên chức giữ chức vụ lãnh đạo cấp phòng trở lên hoặc thuộc diện quy hoạch lãnh đạo cấp phòng trở lên tham gia các chương trình đào tạo, bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước về khoa học công nghệ ở trong nước kéo dài từ 1 năm trở lên.

12. Viên chức trong đơn vị sự nghiệp, người làm việc trong các doanh nghiệp (có tổ chức Đảng thuộc sự quản lý của Tỉnh ủy Lào Cai) được cử đi đào tạo trung cấp, cao cấp lý luận chính trị.”

**3. Bổ sung khoản 6, Điều 9 như sau:**

“5. Viên chức trong đơn vị sự nghiệp, người làm việc trong các doanh nghiệp được cử đi đào tạo trung cấp, cao cấp lý luận chính trị phải đủ tiêu chuẩn, điều kiện đào tạo theo Quy định của Ban Bí thư Trung ương Đảng, được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo phân cấp quản lý tổ chức, cán bộ của Tỉnh ủy Lào Cai.”

**4. Sửa đổi điểm d, khoản 1, Điều 10 như sau:**

“d) Đào tạo trình độ thạc sĩ, chuyên khoa 1: 80 triệu đồng (Riêng viên chức nữ hoặc người dân tộc thiểu số 85 triệu đồng);”

**5. Bổ sung khoản 6, khoản 7, khoản 8, khoản 9, Điều 10 như sau:**

“6. Giáo viên tham gia đào tạo đại học sư phạm tiếng Anh, tiếng Trung Quốc, Tin học (văn bằng 2) quy định tại khoản 9, Điều 8 được hỗ trợ:

a) Hỗ trợ 100% học phí;

b) Hỗ trợ 100% sinh hoạt phí (bằng mức hỗ trợ sinh hoạt phí theo quy định tại Điều 4, Nghị định số 116/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tiền đóng học phí, chi phí sinh hoạt đối với sinh viên sư phạm);

c) Thời gian hưởng tính 10 tháng/năm học.

7. Mức hỗ trợ công chức, viên chức quy định tại khoản 10, Điều 8 đi học văn bằng 2 được hỗ trợ 70 triệu đồng/người/khóa.

8. Mức hỗ trợ cán bộ trẻ, công chức, viên chức giữ chức vụ lãnh đạo cấp phòng trở lên hoặc thuộc diện quy hoạch lãnh đạo cấp phòng trở lên tham gia các chương trình đào tạo, bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước về khoa học công nghệ kéo dài từ 1 năm trở lên được hỗ trợ 80 triệu đồng/người/khóa.

9. Viên chức trong đơn vị sự nghiệp, người làm việc trong doanh nghiệp đi đào tạo trung cấp, cao cấp lý luận chính trị được hỗ trợ 100% mức học phí theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.”

**6. Sửa đổi, bổ sung Mục 5 như sau:**

**“Mục 5**

**CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ CHO CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC  
TĂNG CƯỜNG, BIỆT PHÁI, LUÂN CHUYỂN**

**Điều 16. Đối tượng thụ hưởng chính sách**

1. Cán bộ, công chức, viên chức thuộc cơ quan, đơn vị cấp tỉnh khi được cấp có thẩm quyền tăng cường, biệt phái, luân chuyển đến làm việc tại các cơ quan, đơn vị cấp xã; (theo kế hoạch của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành).

2. Cán bộ, công chức cấp xã được cấp có thẩm quyền biệt phái đến làm việc tại các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh (theo kế hoạch của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành).

**Điều 17. Điều kiện được hưởng chính sách**

Đối tượng quy định tại Điều 16 được hưởng chính sách này khi đáp ứng đủ các điều kiện sau:

1. Được cơ quan có thẩm quyền ban hành quyết định tăng cường, biệt phái, luân chuyển.

2. Khoảng cách từ nơi thường trú (theo thực tế) đến trụ sở cơ quan công tác mới từ 25 km trở lên. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị nơi tăng cường, luân chuyển, biệt phái đến có trách nhiệm và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc xác định khoảng cách này.

### **Điều 18. Các chính sách hỗ trợ tăng cường, biệt phái, luân chuyển**

1. Hỗ trợ thuê nhà ở: Trường hợp cán bộ, công chức, viên chức tăng cường, biệt phái, luân chuyển mà cơ quan, địa phương nơi chuyển đến chưa có hoặc không bố trí được nhà ở công vụ thì được hỗ trợ tiền thuê nhà ở hằng tháng cho đến khi cán bộ được bố trí nhà ở công vụ, cụ thể như sau:

a) Cán bộ, công chức, viên chức được tăng cường, biệt phái, luân chuyển đến các phường trong tỉnh được hỗ trợ 1.000.000 đồng/tháng;

b) Cán bộ, công chức, viên chức được tăng cường, biệt phái, luân chuyển đến các xã trong tỉnh được hỗ trợ 800.000 đồng/tháng.

#### 2. Hỗ trợ tiền đi lại

Cán bộ, công chức, viên chức tăng cường, biệt phái, luân chuyển được hỗ trợ tiền đi lại hằng tháng theo khoảng cách từ nơi thường trú (theo thực tế) đến trụ sở cơ quan công tác, trừ trường hợp có xe đưa đón như sau:

a) Từ 25 km đến dưới 50 km: 600.000 đồng/người/tháng;

b) Từ 50 km đến dưới 100 km: 900.000 đồng/người/tháng;

c) Từ 100 km trở lên: 1.200.000 đồng/người/tháng.

d) Trường hợp cán bộ, công chức, viên chức được tăng cường, luân chuyển, biệt phái đến cơ quan công tác mới, nhưng đã có nhà ở của gia đình tại địa phương được tăng cường, luân chuyển, biệt phái đến thì không được hưởng chính sách hỗ trợ thuê nhà ở, tiền đi lại.

#### 3. Hỗ trợ sinh hoạt phí

a) Cán bộ, công chức, viên chức tăng cường, biệt phái, luân chuyển đến vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quyết định của cấp có thẩm quyền được hỗ trợ tiền sinh hoạt phí hằng tháng. Mức hỗ trợ bằng mức tiền phụ cấp khu vực của nơi được tăng cường, biệt phái, luân chuyển đến;

b) Cán bộ, công chức, viên chức nữ được cấp có thẩm quyền quyết định tăng cường, biệt phái, luân chuyển được hỗ trợ thêm 50% của mức hỗ trợ sinh hoạt phí quy định tại khoản a Điều này.

### **Điều 19. Thời gian không được tính hưởng các chính sách hỗ trợ**

1. Thời gian đi công tác, làm việc, học tập từ 01 tháng trở lên;

2. Thời gian nghỉ việc không hưởng lương liên tục từ 01 tháng trở lên (trừ trường hợp ốm đau);

3. Thời gian bị tạm đình chỉ công tác do vi phạm pháp luật.

**Điều 20. Thời gian hưởng chính sách hỗ trợ**

1. Cán bộ, công chức, viên chức được hưởng các chính sách hỗ trợ kể từ ngày có quyết định tăng cường, biệt phái, luân chuyển cho đến hết thời hạn tăng cường, biệt phái, luân chuyển.

2. Cán bộ, công chức, viên chức được tăng cường, luân chuyển, biệt phái trước ngày chính sách này có hiệu lực và hiện vẫn đang công tác tại cơ quan, địa phương được luân chuyển, biệt phái đến thì được hưởng chính sách hỗ trợ cho thời gian còn lại tính từ khi Quy định này có hiệu lực đến khi hết thời hạn tăng cường, biệt phái, luân chuyển.”

**7. Bổ sung Mục 5a như sau:**

**“Mục 5a**

**CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ, ĐÃI NGỘ ĐỐI VỚI VIÊN CHỨC  
NGÀNH Y TẾ**

**Điều 20a. Đối tượng áp dụng**

1. Viên chức giữ chức danh nghề nghiệp chuyên ngành y tế có trình độ sau đại học làm việc tại các đơn vị sự nghiệp y tế công lập tuyến tỉnh, khu vực.

2. Viên chức công tác tại trạm y tế tuyến xã, Phòng khám đa khoa khu vực, giữ chức danh nghề nghiệp chuyên ngành y tế, có trình độ đào tạo từ bác sĩ trở lên hoặc có trình độ sau đại học.

**Điều 20b. Điều kiện hưởng chính sách**

Viên chức ngành y tế hưởng chính sách đãi ngộ hằng tháng phải có đủ các điều kiện sau:

1. Viên chức y tế khối điều trị tại các đơn vị sự nghiệp y tế tuyến tỉnh, tuyến khu vực có bằng sau đại học các chuyên ngành điều trị phù hợp với vị trí việc làm, trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khám chữa bệnh; Viên chức khối dự phòng có bằng chuyên môn sau đại học phù hợp với vị trí việc làm, trực tiếp làm công tác y tế dự phòng tại các cơ sở y tế; Viên chức làm việc tại Phòng khám đa khoa khu vực, Trạm y tế tuyến xã có bằng tốt nghiệp Bác sĩ trở lên hoặc có trình độ đào tạo sau đại học.

2. Được cơ quan, đơn vị đánh giá kết quả của năm trước liền kề xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

3. Được tập thể đơn vị bình xét, đề xuất.

**Điều 20c. Mức hỗ trợ đãi ngộ**

1. Viên chức có trình độ Tiến sĩ y khoa, Bác sĩ chuyên khoa cấp II các chuyên ngành điều trị, Bác sĩ nội trú; tiến sĩ, Chuyên khoa cấp II các chuyên ngành: dược, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y học:

a) Nhóm 1: Làm nhiệm vụ tại các khoa, phòng điều trị về các bệnh: Lao, tâm thần, truyền nhiễm, X quang, hồi sức cấp cứu, điều trị tích cực, ung bướu, chống độc, Gây mê hồi sức được hưởng đãi ngộ hằng tháng: Số tiền đãi ngộ 5.000.000 đồng/người/tháng;

b) Nhóm 2: Làm nhiệm vụ tại các khoa, phòng điều trị về các bệnh: Nội khoa, ngoại khoa, sản khoa, nhi khoa, giải phẫu bệnh được hưởng đãi ngộ hằng tháng: Số tiền đãi ngộ 4.500.000 đồng/người/tháng;

c) Nhóm 3: Làm nhiệm vụ tại các cơ sở y tế khác (ngoài 02 nhóm trên) được hưởng đãi ngộ hằng tháng: Số tiền đãi ngộ 4.000.000 đồng/người/tháng.

2. Viên chức có trình độ Thạc sĩ y khoa, Bác sĩ chuyên khoa cấp I các chuyên ngành điều trị; Thạc sĩ, chuyên khoa cấp I các chuyên ngành: dược, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y học:

a) Nhóm 1: Làm nhiệm vụ tại các khoa, phòng điều trị về các bệnh: Lao, Tâm thần, Truyền nhiễm, X quang, Hồi sức cấp cứu, điều trị tích cực, ung bướu, chống độc, Gây mê hồi sức được hưởng đãi ngộ hằng tháng: Số tiền đãi ngộ 4.500.000 đồng/người/tháng;

b) Nhóm 2: Làm nhiệm vụ tại các khoa, phòng điều trị về các bệnh: Nội khoa, ngoại khoa, sản khoa, nhi khoa, giải phẫu bệnh được hưởng đãi ngộ hằng tháng: Số tiền đãi ngộ 4.000.000 đồng/người/tháng;

c) Nhóm 3: Bác sĩ làm nhiệm vụ tại Phòng khám đa khoa khu vực, Trạm y tế được hưởng đãi ngộ hằng tháng: Số tiền đãi ngộ 6.000.000 đồng/người/tháng;

d) Nhóm 4: Làm nhiệm vụ tại các cơ sở y tế khác (ngoài 03 nhóm trên) được hưởng đãi ngộ hằng tháng: Số tiền đãi ngộ 3.500.000 đồng/người/tháng.

3. Viên chức có trình độ Bác sĩ công tác tại Phòng khám đa khoa khu vực, Trạm Y tế được hưởng đãi ngộ hằng tháng: Số tiền đãi ngộ 5.000.000 đồng/người/tháng.

#### **8. Bổ sung Mục 5b như sau:**

#### **“Mục 5b**

### **CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ, ĐÃI NGỘ ĐỐI VỚI VIÊN CHỨC NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

#### **Điều 20d. Đối tượng áp dụng**

Nhà giáo dạy bằng hình thức song ngữ chuyên môn được đào tạo bằng tiếng Anh, khi thực hiện thời lượng giảng dạy đảm bảo 50% định mức quy định.

#### **Điều 20đ. Mức và thời gian hỗ trợ**

Đối tượng được quy định tại Điều 20d, Quy định này được hỗ trợ 3.500.000 đồng/người/tháng.”

**9. Bổ sung Mục 5c như sau:**

**“ Mục 5c**

**CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ, ĐÃI NGỘ ĐỐI VỚI CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC ĐƯỢC THU HÚT VỀ TỈNH**

**Điều 20e. Đối tượng áp dụng**

Người được thu hút theo chính sách thu hút của tỉnh (không bao gồm viên chức ngành y tế và viên chức ngành giáo dục)

**Điều 20g. Chính sách hỗ trợ và thời gian áp dụng đối với công chức, viên chức được thu hút về tỉnh**

1. Đối tượng được quy định tại Điều 20e, Quy định này được hỗ trợ hàng tháng số tiền 3.500.000 đồng/người/tháng; đối với người có học hàm, học vị Giáo sư, Phó giáo sư; người có trình độ tiến sĩ được hỗ trợ hàng tháng số tiền 5.000.000 đồng/người/tháng. Phụ cấp tăng thêm không dùng để tính đóng hưởng chế độ bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp (đối với viên chức). Thời gian áp dụng: 5 năm, kể từ ngày được tuyển dụng. Đối với các trường hợp đã được thu hút theo chính sách thu hút tại Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh trước khi Nghị quyết này có hiệu lực và đang công tác tại các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh, thì được hưởng chính sách hỗ trợ kể từ ngày Nghị quyết có hiệu lực thi hành.

2. Ưu tiên, tạo điều kiện cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng về lý luận chính trị, quản lý nhà nước và kiến thức chuyên ngành đáp ứng tiêu chuẩn lãnh đạo, quản lý theo chức danh được quy hoạch kể cả khi chưa bảo đảm điều kiện về độ tuổi, chức danh quy hoạch, hình thức đào tạo; trong thời gian được cử đi đào tạo, bồi dưỡng được giữ nguyên chế độ, chính sách và được chi trả toàn bộ kinh phí theo quy định.

3. Ưu tiên bố trí vào vị trí việc làm giữ ngạch có thứ bậc về chuyên môn, nghiệp vụ cao hơn nếu trong thời hạn 05 năm kể từ khi được tuyển dụng được đánh giá và xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, trong đó có 02 năm trở lên được đánh giá và xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Đồng thời, phải đáp ứng điều kiện tiêu chuẩn của vị trí việc làm.

4. Ưu tiên bố trí nhà công vụ (nếu có) đối với các trường hợp thu hút từ ngoài tỉnh hoặc nước ngoài chưa có chỗ ở. Riêng đối với đối tượng là Giáo sư, Phó giáo sư, tiến sĩ, kiều bào ở nước ngoài về công tác tại tỉnh được tạo điều kiện, hỗ trợ về thủ tục khi tìm kiếm việc làm và tuyển sinh, học tập tại các cơ sở giáo dục và đào tạo tại tỉnh cho gia đình người được thu hút (bao gồm cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con đẻ, con nuôi dưới 18 tuổi).

5. Thôi áp dụng hỗ trợ đối với người được thu hút nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- a) Theo nguyện vọng của người được thu hút;
- b) Cấp có thẩm quyền đánh giá không hoàn thành nhiệm vụ hoặc không đáp ứng yêu cầu vị trí việc làm đối với người được thu hút;
- c) Có hành vi vi phạm đến mức bị xử lý kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự.”

## **Điều 2. Trách nhiệm tổ chức thực hiện**

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết này theo quy định của pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ Đại biểu và Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

## **Điều 3. Điều khoản thi hành**

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026./.

### ***Nơi nhận:***

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Nội vụ;
- Cục kiểm tra Văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các xã, phường;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, VHXX.

**CHỦ TỊCH**